

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 7 – 2022

Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Ông Lê Văn Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1994; nơi thường trú: khu phố S, phường X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: khu phố N, phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1978; nơi thường trú: khu phố S, phường X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: khu phố N, phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Hiện đang chấp hành án tại trại giam An Phước, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà trình bày:*

Bà T và ông B tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó cả hai tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 25/7/2014.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc. Quá trình chung sống B còn nhiều lần phạm tội và bị kết án, hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam An Phước trong thời gian dài, do B phải đi chấp hành án nên không có thời gian chăm sóc gia đình, vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng Bà T không được chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải vì Bà T, B không yêu cầu.

Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với B, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà T được ly hôn với B.

Về con chung: Quá trình chung sống Bà T và B có 01 người con chung tên D, sinh ngày 02/9/2014. Sau khi ly hôn Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022 tại Trại giam An Phước, bị đơn trình bày:*

B thống nhất với lời trình bày của Bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, cả hai tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/7/2014. Quá trình chung sống B cho rằng vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn lớn, tuy nhiên nay Bà T yêu cầu ly hôn thì B đồng ý.

Đối với con chung, sau khi ly hôn B đồng ý giao con chung tên D, sinh ngày 02/9/2014 cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên B cũng nêu ý kiến sau khi B chấp hành án xong ông sẽ xem xét và có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bị đơn chấp hành đúng pháp luật và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Bà T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề hôn nhân và con chung đối với bị đơn ông B, có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố N, phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã trình bày ý kiến của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B chung sống với nhau từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/2014 ngày 25/7/2014. Quan hệ hôn nhân của Bà T và B là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Bà T đều xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều do B nhiều lần bị kết án và hiện phải chấp hành án trong thời gian dài, không thể chăm lo cho gia đình, vợ con.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa Bà T và B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, thời gian vợ chồng chung sống không nhiều, B bị kết án và phải chấp hành án phạt tù trong thời gian dài, không thể chăm lo cho gia đình, vợ con, tình cảm vì vậy cũng không còn, mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp làm việc, ghi lời khai của B tại Trại giam An Phước, B cũng xác định đồng ý ly hôn với Bà T. Do đó, yêu cầu về việc ly hôn của Bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Trong thời gian chung sống Bà T và B có 01 người con chung tên D, sinh ngày 02/9/2014. Sau khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu B cấp dưỡng nuôi con, B hiện đang phải chấp hành án phạt tù, hiện chưa có thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con, B đồng ý giao con cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra cháu D cũng có nguyện vọng được sống với Bà T sau khi B và Bà T ly hôn. Do đó cần tiếp tục giao con chung cho Bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho điều kiện sinh sống, học tập và sự phát triển toàn diện của cháu D.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà T.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà T đối với bị đơn ông B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Giao con chung tên D, sinh ngày 02/9/2014 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà T về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu

của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001987 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Quang Ngọc Nhân**